

## Phân hai

# HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

## A – CÔNG DÂN VỚI VIỆC HÌNH THÀNH THẾ GIỚI QUAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN KHOA HỌC

### Bài 1 : THẾ GIỚI QUAN DUY VẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG

(2 tiết)

#### I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được :

##### 1. Về kiến thức

- Nhận biết được chức năng TGQ, PPL của Triết học.
- Nhận biết được nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, PPL biện chứng và PPL siêu hình.
- Nêu được chủ nghĩa duy vật biện chứng là sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ duy vật và PPL biện chứng.

##### 2. Về kỹ năng

Nhận xét, đánh giá được một số biểu hiện của quan điểm duy vật hoặc duy tâm, biện chứng hoặc siêu hình trong cuộc sống hàng ngày.

##### 3. Về thái độ

- Có ý thức trau dồi TGQ duy vật và PPL biện chứng.

#### II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

##### 1. Về nội dung

Đây là bài mở đầu, trực tiếp đề cập đến Phân thứ nhất của chương trình GD&CD THPT (Công dân với việc hình thành TGQ, PPL khoa học). Trọng tâm của bài là

nội dung cơ bản của TGQ duy vật và PPL biện chứng – cơ sở lí luận để xem xét các vấn đề tiếp theo ở những bài sau.

Đây là một bài mới và khó. *Mới*, vì các SGK môn GD&CD ở THPT trước đây chưa tách thành một bài riêng. *Khó*, vì ngay bài mở đầu HS phải làm quen với những thuật ngữ Triết học có tính khái quát và trừu tượng. Những khó khăn này sẽ được giảm dần trong quá trình học các bài tiếp theo.

## **2. Về phương pháp dạy học (PPDH) và hình thức tổ chức dạy học**

– *Về phương pháp dạy học* : GV có thể sử dụng các phương pháp giảng giải, diễn giảng, trân thuật đối với các kiến thức khó, như : Đối tượng nghiên cứu của triết học, TGQ, PPL, sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ duy vật và PPL biện chứng trong Triết học Mác – Lê-nin. Và, có thể sử dụng các phương pháp đàm thoại, giải quyết vấn đề đối với những kiến thức mà HS ít nhiều đã được học như : Đối tượng nghiên cứu của các môn khoa học cụ thể, những biểu hiện quan điểm duy vật hoặc duy tâm về TGQ, biện chứng hoặc siêu hình về PPL trong các hiện tượng thông thường.

Tóm lại, sử dụng PPDH nào, phối hợp giữa các phương pháp như thế nào, GV cần căn cứ vào tính chất của các đơn vị kiến thức ; trình độ và vốn sống của HS ; thiết bị dạy học mà nhà trường và GV, HS có thể chuẩn bị được.

– *Về hình thức tổ chức dạy học* : Nhằm phát huy tính tích cực, tư duy sáng tạo, khả năng tự học của HS, trong bài này, GV nên sử dụng hình thức tổ chức dạy học theo nhóm nhỏ đối với những câu hỏi mở, những câu in chữ nhỏ dẫn dắt, đặt vấn đề trong SGK.

## **3. Về phương tiện dạy học**

Bài này GV có thể sử dụng các phương tiện sau đây, vừa dùng để giảng bài, vừa dùng để kiểm tra, đánh giá :

– Bảng so sánh đối tượng nghiên cứu của triết học và các môn khoa học cụ thể, bảng so sánh về TGQ duy vật và TGQ duy tâm ; bảng so sánh về PPL biện chứng và PPL siêu hình.

Trong mỗi bảng so sánh, cột dọc nêu lên nội dung cần so sánh, cột ngang nêu lên biểu hiện (dấu hiệu) của đối tượng so sánh. Những bảng so sánh này thuận tiện đối với hình thức trắc nghiệm điền khuyết.

Ví dụ :

- Bảng so sánh về đối tượng nghiên cứu của Triết học và các môn khoa học cụ thể.

	Triết học	Các môn khoa học cụ thể
Những quy luật		
Ví dụ		

- Bảng so sánh về thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm.

	Thế giới quan duy vật	Thế giới quan duy tâm
Quan hệ giữa vật chất và ý thức		
Ví dụ		

- Bảng so sánh về PPL biện chứng và PPL siêu hình

	PPL biện chứng	PPL siêu hình
Quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, vận động và phát triển		
Ví dụ		

- Những mẫu chuyện Triết học, truyện ngụ ngôn, thần thoại ; những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ.

#### **4. Về kiểm tra, đánh giá**

a) Gợi ý trả lời câu hỏi và giải bài tập

*Câu 1.* Hãy phân tích sự khác nhau về đối tượng nghiên cứu giữa Triết học với các môn khoa học cụ thể.

Khi khoa học chưa phát triển, chưa phân ngành, mọi tri thức đều được coi là tri thức triết học (quan niệm "Triết học là khoa học của các khoa học"). Từ thế kỉ XVI, XVII, XVIII, nhất là thế kỉ XIX, khoa học tự nhiên phát triển rất nhanh chóng, sự phân ngành diễn ra mạnh mẽ. Mỗi ngành khoa học có đối tượng nghiên cứu riêng, quan niệm "Triết học là khoa học của các khoa học" không còn thích hợp. Vì vậy, Triết học và các khoa học cụ thể, tuy có quan hệ gắn bó với nhau nhưng đều có đối tượng nghiên cứu riêng.

Triết học và các khoa học cụ thể đều nghiên cứu những quy luật vận động và phát triển của giới tự nhiên, đời sống xã hội và lĩnh vực tư duy, nhưng mỗi môn khoa học cụ thể chỉ đi sâu nghiên cứu một bộ phận, một lĩnh vực riêng biệt của thế giới. Còn Triết học nghiên cứu những vấn đề chung nhất, phổ biến nhất của thế giới. Do đó, Triết học có vai trò (chức năng) TGQ, PPL đối với các môn khoa học cụ thể.

*Câu 3. Căn cứ vào cơ sở nào để phân chia các hệ thống TGQ trong Triết học ?*

Bất luận TGQ thần thoại, TGQ tôn giáo, TGQ Triết học từ trước đến nay, xét đến cùng, bằng cách này hay cách khác đều nói lên quan niệm của mình về mối quan hệ giữa vật chất (tự nhiên, tồn tại) và ý thức (tinh thần, tư duy). Vì vậy, cách giải quyết vấn đề cơ bản của Triết học (SGK) theo lập trường nào là cơ sở (là tiêu chí) khách quan để phân chia các hệ thống TGQ trong lịch sử triết học. Từ lâu, Lép-nít (1646 - 1716) và Ăng-ghen (1820 - 1895) khi phân biệt CNDV và CNDT đã có quan niệm như vậy.

TGQ duy vật khẳng định, vật chất là bản chất của thế giới, ý thức là sản phẩm của một dạng vật chất có tổ chức cao (bộ não người), vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Thế giới vật chất là tự có, không do một lực lượng siêu tự nhiên nào sáng tạo ra, tồn tại vĩnh hằng, không ai có thể tiêu diệt được. Vì vậy, những nhà Triết học duy vật, thường là có TGQ vô thần. TGQ duy tâm khẳng định bản chất của thế giới là tinh thần, ý niệm, có trước và quyết định giới tự nhiên, đời sống xã hội và con người. Vì vậy, những nhà Triết học duy tâm, thường là theo TGQ hữu thần.

b) *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*

GV có thể sử dụng ba bảng so sánh phần trên (phương tiện dạy học) để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS.

### **III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC**

#### **1. Phần mở bài**

Để tạo tâm thế, cuốn hút HS vào bài học, GV có thể :

– Nhắc lại câu nói của Mác (SGK). Đây là một câu nói của Mác trong lá thư gửi cho thân phụ năm 1837, lúc này Mác đang học ở trường Đại học Béc-lin.

– Đưa ra một thông tin, một tình huống có vấn đề về TGQ hoặc PPL (có thể lấy ngay truyện thần thoại "Thần trù trời", hoặc truyện ngụ ngôn "Thầy bói xem voi" trong phần tư liệu tham khảo của SGK).

## 2. Phân tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Vai trò TGQ, PPL của Triết học

\* *Mức độ kiến thức*

Bằng những ví dụ cụ thể, chỉ cần HS nắm được Triết học nghiên cứu những quy luật chung, phổ biến ; các môn khoa học cụ thể nghiên cứu những quy luật riêng. Những quy luật của Triết học được khái quát từ các quy luật của khoa học cụ thể, nhưng bao quát hơn, chi phối các môn khoa học cụ thể nên nó trở thành TGQ, PPL chung của khoa học.

\* *Cách thực hiện*

GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại và chứng minh để HS thấy được vai trò TGQ, PPL của Triết học qua đối tượng nghiên cứu và phạm vi ứng dụng của nó.

Đối với những HS khá và giỏi, GV có thể giải thích sâu hơn về vai trò hạt nhân của Triết học đối với TGQ. Như ta biết, TGQ được hình thành, bao gồm các yếu tố của tất cả các hình thái ý thức xã hội (Triết học, Khoa học, Chính trị, Đạo đức, Thẩm mỹ, Tôn giáo...). Trong đó, những quan điểm và niềm tin Triết học tạo nên nền tảng của mỗi hệ thống TGQ.

b) Dạy học đơn vị kiến thức 2 : TGQ duy vật và TGQ duy tâm

\* *Mức độ kiến thức*

Cần làm cho HS nắm được cơ sở (tiêu chí) phân loại các hình thái TGQ (TGQ duy vật và TGQ duy tâm). Đối với mỗi hình thái TGQ, không cần đi sâu vào lịch sử vấn đề, mà cần chốt lại những nội dung cơ bản của chúng (xem SGK).

\* *Cách thực hiện*

GV có thể áp dụng phương pháp hoạt động nhóm, giao cho mỗi nhóm tìm hiểu và trình bày một nội dung theo chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ của bài. HS thảo luận chung và GV tổng kết.

Đối với những HS khá và giỏi, GV có thể gợi mở và giảng giải thêm cho họ về tính khuynh hướng, tính giai cấp của các hệ thống TGQ, các hệ thống Triết học trong lịch sử.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3 : PPL biện chứng và PPL siêu hình*

\* *Mức độ kiến thức*

Cần làm cho HS linh hôi được nội dung cơ bản của PPL biện chứng và PPL siêu hình, nhớ được một số quan điểm tiêu biểu của các triết gia thuộc hai loại PPL này. Theo chúng tôi, không cần đi sâu vào ngữ nghĩa các khái niệm phương pháp, phương pháp luận và lịch sử phát triển của phương pháp, phương pháp luận.

\* *Cách thực hiện*

- GV có thể áp dụng phương pháp hoạt động nhóm như khi dạy về đơn vị kiến thức (TGQ duy vật và TGQ duy tâm).
- GV có thể đưa ra một thông tin, một tình huống có nội dung về PPL để phát triển bài giảng.

Đối với những HS khá giỏi, GV có thể giảng kĩ hơn về khái niệm phương pháp và phương pháp luận, biện chứng và siêu hình.

d) *Dạy học đơn vị kiến thức 4 : Chủ nghĩa Duy vật biện chứng - Sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ duy vật và PPL biện chứng*

Đây là đơn vị kiến thức khó giảng nhất của bài. Nếu giảng tốt đơn vị kiến thức này, HS sẽ thấy được Triết học Mác – Lê-nin là giai đoạn phát triển cao của lịch sử Triết học.

\* *Mức độ kiến thức*

Cần làm cho HS hiểu được sở dĩ các hệ thống Triết học trước Mác thiếu triệt để, vì các hệ thống Triết học ấy chưa đạt được sự thống nhất giữa TGQ duy vật và PPL biện chứng, tiêu biểu là hệ thống triết học của Phoi-ơ-bắc và hệ thống Triết học của Hê-ghen. Triết học Mác – Lê-nin là đỉnh cao của sự phát triển Triết học, vì nó đã khắc phục được những hạn chế về TGQ duy tâm và PPL siêu hình ; đồng thời kế thừa, cải tạo và phát triển các yếu tố duy vật và biện chứng của các hệ

thống triết học trước đó, thực hiện được sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ duy vật và PPL biện chứng.

\* *Cách thực hiện*

GV có thể sử dụng bảng so sánh sau đây để giảng bài.

	TGQ	PPL	Ví dụ
Các nhà DV trước Mác			
Các nhà BC trước Mác			
Triết học Mác – Lê-nin			

Các nhà duy vật trước Mác : có TGQ duy vật, nhưng lại thường siêu hình về PPL. Họ không vận dụng được TGQ duy vật để xây dựng PPL khoa học, đặc biệt là khi giải thích các hiện tượng về lịch sử, về đời sống xã hội và con người. Vì vậy, họ có thể có được quan điểm duy vật khi giải thích các hiện tượng về giới tự nhiên, nhưng lại duy tâm khi giải thích các hiện tượng về lịch sử, xã hội và con người (Lão Tử, Phoi-o-bắc).

Các nhà biện chứng trước Mác : Có tư tưởng biện chứng về PPL, nhưng thường lại đứng trên lập trường duy tâm. PBC của họ không phải là các phản ánh sự vật, hiện tượng khách quan, mà PBC của ý niệm. Ý niệm là cái có trước, quyết định sự vật và hiện tượng (Pla-tôn, Hê-ghen).

Triết học Mác – Lê-nin : TGQ duy vật và PPL biện chứng thống nhất hữu cơ với nhau. Bản chất thế giới là vật chất, thế giới vật chất luôn luôn vận động và phát triển theo quy luật khách quan. Những quy luật này được con người nhận thức và xây dựng thành PPL. Bởi vậy, TGQ và PPL gắn bó với nhau. Xét về TGQ, nó là thế giới quan duy vật biện chứng ; xét về PPL, nó là phép biện chứng duy vật.

### 3. Phần củng cố

Giúp HS tự củng cố, hệ thống hoá, khắc sâu những kiến thức trọng tâm và thực hành, GV có thể hướng dẫn HS viết tự luận hoặc trao đổi nhóm (bác bỏ – khẳng định) một số câu nói tiêu biểu của các nhà Triết học.

Ví dụ :

- Béc-cơ-li : "Không có sự vật nằm ngoài cảm giác" (Duy tâm chủ quan).
- Khổng Tử : "Sống chết có mệnh, giàu sang do Trời" (Duy tâm khách quan).
- Hê-ra-clít : "Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông" (quan điểm biện chứng).
- V.v...

#### IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

**1.** Thuật ngữ chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm nên hiểu như thế nào ? Người đầu tiên dùng thuật ngữ CNDV và CNDT là Lép-nít (1646 - 1716, nhà Triết học Đức), ám chỉ hai khuynh hướng Triết học cơ bản : Vật chất là bản chất của thế giới (Đê-mô-crít, Ê-pi-quya) và bản chất thế giới là tinh thần, ý niệm (Pla-tôn)<sup>(1)</sup>.

**2.** Ph. Ăng-ghen : Vấn đề cơ bản của Triết học là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại, giữa tinh thần và tự nhiên.

Cách giải quyết vấn đề ấy đã chia các nhà Triết học thành hai phe lớn. Những người quả quyết rằng tinh thần có trước là thuộc phe CNDT, còn những người cho rằng tự nhiên là cái có trước thuộc học phái khác nhau của CNDV. "Lúc đầu, hai thuật ngữ CNDT và CNDV không có nghĩa nào khác thế cả, và ở đây chúng ta cũng không dùng những thuật ngữ đó theo nghĩa khác"<sup>(2)</sup>.

**3.** Ph. Bê-con (nhà Triết học Anh, thế kỉ XVII) : Phương pháp như chiếc đèn soi đường cho khách lữ hành trong đêm tối.

**4.** Ph. Ăng-ghen : "Biện chứng gọi là *khách quan* thì chi phối trong toàn bộ giới tự nhiên, còn biện chứng gọi là *chủ quan*, tức là tư duy biện chứng thì chỉ là phản ánh sự chi phối, trong toàn bộ giới tự nhiên"<sup>(3)</sup>.

---

(1) Lịch sử triết học, NXB Tư tưởng - Văn hoá, Hà Nội, 1992, Tập II, tr. 91.

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, Tập 21, tr. 405.

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, Tập 20, tr. 694.